

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 307

Số báo danh:

- Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?
A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Thương. D. Sông Đà.
- Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Thanh Hóa.
- Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Hòn La. B. Vũng Áng. C. Chu Lai. D. Nghi Sơn.
- Câu 44:** Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống
A. sương muối. B. ngập lụt. C. hạn hán. D. động đất.
- Câu 45:** Nước ta có vị trí ở
A. bán cầu Nam. B. vùng ngoại chí tuyến. C. vùng nội chí tuyến. D. bán cầu Tây.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?
A. Nha Trang. B. Đà Nẵng. C. Bảo Lộc. D. Buôn Ma Thuột.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?
A. Hạ Long. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Bắc Ninh.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?
A. Hậu Giang. B. Phú Yên. C. Bến Tre. D. Sóc Trăng.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?
A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?
A. Đồng Xoài. B. Buôn Ma Thuột. C. Phan Thiết. D. Đà Lạt.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?
A. Pu Tha Ca. B. Tây Côn Lĩnh. C. Phanxipăng. D. Kiều Liêu Ti.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?
A. Yên Bái. B. Lào Cai. C. Phú Thọ. D. Hòa Bình.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Bình Định. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.
- Câu 54:** Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là
A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. làm ruộng bậc thang.
- Câu 55:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?
A. Ranh giới có sự điều chỉnh. B. Được hình thành từ lâu đời.
C. Tập trung các tiềm lực kinh tế. D. Hội tụ các thế mạnh phát triển.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều đầu mối giao thông lớn. B. Các ngành đều phát triển rất nhanh.
C. Các loại hình vận tải rất đa dạng. D. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

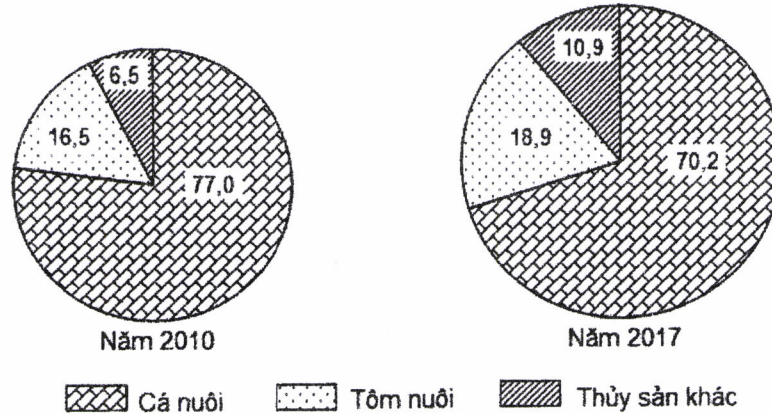
Câu 58: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. chất lượng nâng lên. B. số lượng không lớn. C. trình độ rất cao. D. phân bố rất đều.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. B. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.
C. Sản xuất theo hướng hàng hóa. D. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm. B. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.
C. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm. D. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo. B. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
C. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế. D. Mưa lớn thường xuyên quanh năm.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhất ở Bắc Bộ. B. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
C. Phân bố đều khắp cả nước. D. Du khách ngày càng đông.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Quy mô lớn. B. Nhiều dân tộc.
C. Cơ cấu tuổi thay đổi. D. Số lượng luôn cố định.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia. D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là

- A. phát triển các ngành trọng điểm. B. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
C. hình thành các vùng công nghiệp. D. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.

Câu 66: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
- B. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
- C. mở rộng diện tích hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng.
- D. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
- B. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
- C. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- D. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.

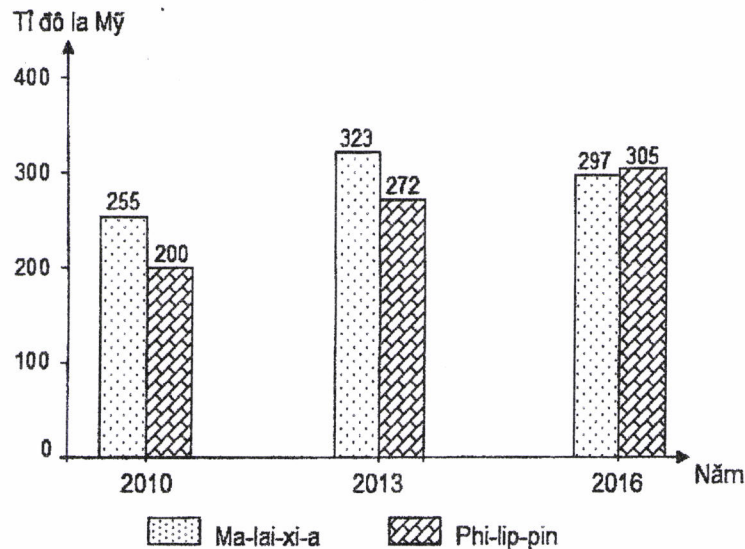
Câu 68: Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là

- A. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
- C. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.

Câu 69: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
- B. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
- C. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
- D. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 71: Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

- A. mưa nhiều vào thu đông.
- B. lượng bức xạ mặt trời lớn.
- C. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- D. thời tiết đầu hạ khô nóng.

Câu 72: Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường.
- B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
- C. góp phần phát triển xuất khẩu.
- D. tận dụng thế mạnh lao động.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.
- B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
- C. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
- D. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
B. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
C. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
D. sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
B. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
C. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
D. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
B. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
C. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
D. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.

Câu 78: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
B. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
C. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
D. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
B. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
D. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
B. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
C. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
D. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 308

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng XI. D. Tháng X.

Câu 42: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. trồng cây theo băng.
C. đào hồ vẫy cá. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phu Luông. B. Pu Trà. C. Tây Côn Lĩnh. D. Phanxipăng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Nam. B. Phú Yên. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 46: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nhiệt đới. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. bán cầu Nam.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Cà Mau. B. Cần Thơ. C. Biên Hòa. D. Tây Ninh.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Biên Hòa. B. Tân An. C. Mỹ Tho. D. Vũng Tàu.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Bắc Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cà?

- A. Sông Cầu. B. Sông Đà. C. Sông Hiếu. D. Sông Thương.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Nhơn Hội. B. Vân Phong. C. Định An. D. Dung Quất.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Ninh Bình. B. Nam Định. C. Hải Phòng. D. Hòa Bình.

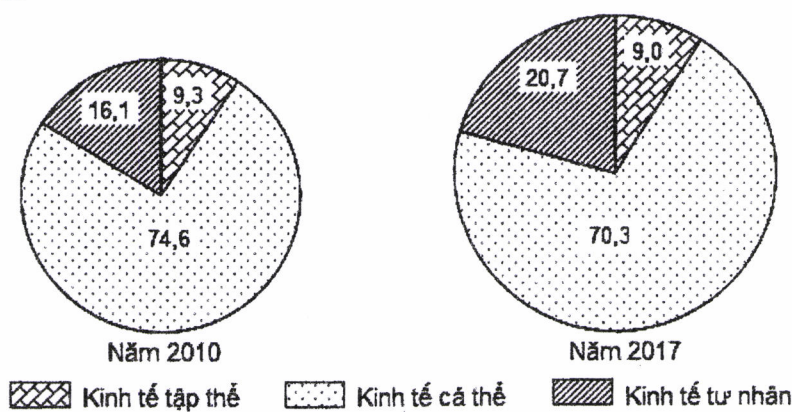
Câu 54: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. xói mòn. B. lở đất. C. trượt đất. D. cháy rừng.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Ranh giới có sự điều chỉnh. B. Hội tụ được các thế mạnh.
C. Được hình thành từ lâu đời. D. Cơ cấu ngành có thay đổi.

- Câu 56:** Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?
 A. Phân bố đồng đều. B. Số lượng cố định. C. Trình độ rất cao. D. Cần cù, sáng tạo.
- Câu 57:** Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?
 A. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn. B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
 C. Ở phía đông thung lũng sông Hồng. D. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
- Câu 58:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?
 A. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu. B. Chuồng trại đã được đầu tư.
 C. Lao động nhiều kinh nghiệm. D. Nguồn thức ăn ngày càng tốt.
- Câu 59:** Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?
 A. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu. B. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt.
 C. Chưa hội nhập vào khu vực. D. Khối lượng vận chuyển lớn.
- Câu 60:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?
 A. Số du khách ngày càng đông. B. Phân bố đều khắp cả nước.
 C. Doanh thu ngày càng tăng. D. Có nhiều trung tâm nổi tiếng.
- Câu 61:** Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm. B. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm.
 C. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm. D. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi. B. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng.
 C. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. D. Tập trung đông ở các đồng bằng.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Nhiệt độ trung bình năm thấp. B. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa.
 C. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ. D. Có một mùa đông lạnh kéo dài.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

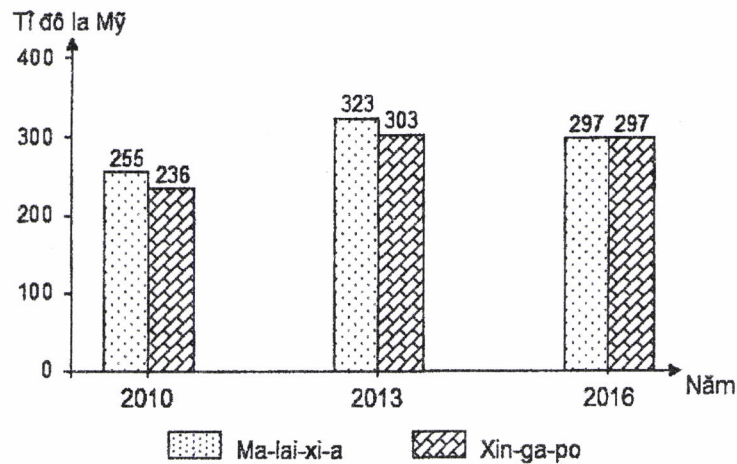
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
 C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành. B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
C. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển. D. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
B. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 67: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa. B. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
C. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư. D. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.

Câu 68: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
B. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
C. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
D. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành. B. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
C. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu. D. phát triển giao thông vận tải, thông tin.

Câu 70: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất. B. một mùa đông lạnh và ít mưa.
C. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều. D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
B. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.
C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
D. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
B. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
D. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.

- Câu 73:** Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
 - phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
 - đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
 - chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- Đường.
- Tròn.
- Miền.
- Kết hợp.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
- thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
- đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
- thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 76: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.
- tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.
- nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
- bố trí các khu dân cư hợp lí và xây dựng các hệ thống đê.
- sử dụng hợp lí tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
- tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
- sử dụng hợp lí tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
- giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật.
- phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
- hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
- đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 309****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Phanxipăng. B. Kiều Liêu Ti. C. Pu Tha Ca. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Phan Thiết. B. Đà Lạt. C. Buôn Ma Thuột. D. Đồng Xoài.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Bắc Ninh. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Hạ Long.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Phú Yên.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Nha Trang. B. Đà Nẵng. C. Bảo Lộc. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 47: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nội chí tuyến. B. vùng ngoại chí tuyến. C. bán cầu Nam. D. bán cầu Tây.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Vũng Áng. C. Chu Lai. D. Hòn La.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 50: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. động đất. B. sương muối. C. hạn hán. D. ngập lụt.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Phú Thọ. B. Lào Cai. C. Yên Bái. D. Hòa Bình.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.

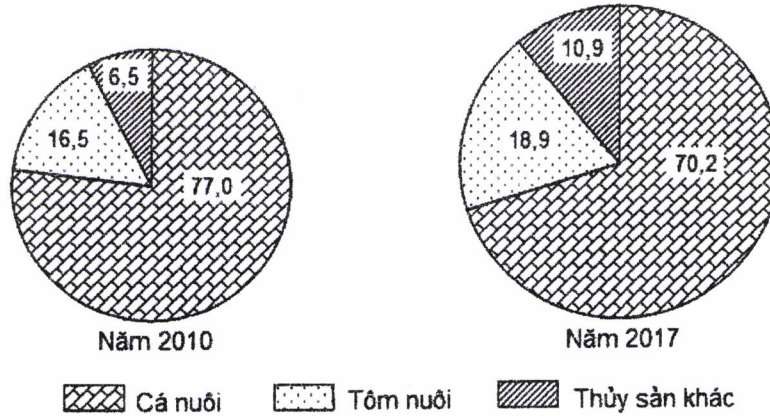
Câu 53: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. đẩy mạnh thâm canh. B. làm ruộng bậc thang.
C. tiến hành tăng vụ. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Đà. B. Sông Cầu. C. Sông Chu. D. Sông Thương.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.
- B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
- C. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.
- D. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm.

Câu 56: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. chất lượng nâng lên.
- B. phân bố rất đều.
- C. số lượng không lớn.
- D. trình độ rất cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
- B. Sản xuất theo hướng hàng hóa.
- C. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.
- D. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.
- B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
- C. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
- D. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Số lượng luôn cố định.
- B. Nhiều dân tộc.
- C. Cơ cấu tuổi thay đổi.
- D. Quy mô lớn.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Mưa lớn thường xuyên quanh năm.
- B. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
- C. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo.
- D. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhất ở Bắc Bộ.
- B. Du khách ngày càng đông.
- C. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
- D. Phân bố đều khắp cả nước.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Tập trung các tiềm lực kinh tế.
- B. Ranh giới có sự điều chỉnh.
- C. Được hình thành từ lâu đời.
- D. Hội tụ các thế mạnh phát triển.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
- B. Các loại hình vận tải rất đa dạng.
- C. Các ngành đều phát triển rất nhanh.
- D. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

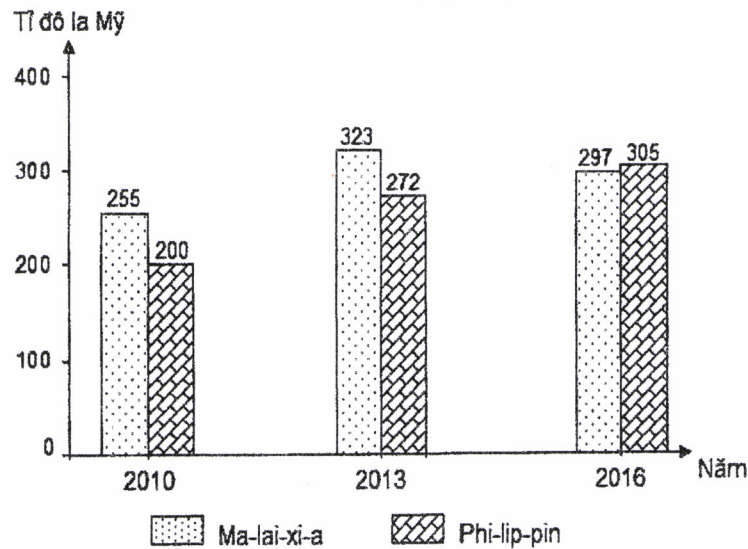
Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
- B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
- C. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.

Câu 65: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Câu 66:** Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là
- A. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
 - B. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
 - C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
 - D. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
- Câu 67:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- A. mở rộng diện tích hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.
 - B. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
 - C. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
 - D. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
- Câu 68:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
 - B. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
 - C. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
 - D. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- Câu 69:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
- A. hai mùa khác nhau rõ rệt.
 - B. lượng bức xạ mặt trời lớn.
 - C. mưa nhiều vào thu đông.
 - D. thời tiết đầu hạ khô nóng.
- Câu 70:** Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm
- A. đáp ứng nhu cầu thị trường.
 - B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
 - C. góp phần phát triển xuất khẩu.
 - D. tận dụng thế mạnh lao động.
- Câu 71:** Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
- A. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
 - B. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
 - C. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
 - D. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
- Câu 72:** Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là
- A. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.
 - B. phát triển các ngành trọng điểm.
 - C. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
 - D. hình thành các vùng công nghiệp.
- Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- A. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
 - B. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
 - C. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
 - D. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.

Câu 74: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
- B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
- C. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
- D. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
- B. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
- C. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
- D. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Tròn.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
- B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
- C. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.
- D. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
- B. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
- C. sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
- D. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
- B. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
- C. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- D. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 80: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
- B. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
- C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
- D. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.